TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 398/2026/DS-PT Ngày: 08- 6-2026 V/v tranh chấp hụi	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Tăng Quỳnh Phương

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, về việc "Tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2026/DS-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; CCCD số: 096173007754 cấp ngày 25/8/2021; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970; CCCD số 096070002307 cấp ngày 19/4/2023 (có mặt).

2. Bà Dương Thị X, sinh năm 1972; CCCD số 096172009694 cấp ngày 25/8/2021 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị L trình bày: Từ năm 2018 đến năm 2023, bà L làm chủ hụi, có mở nhiều dây hụi. Vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Dương Thị X có tham 5 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất, loại hụi 2 triệu đồng, mở ngày 15/3/2018 (Âm lịch), mỗi tháng khui một lần, dây hụi gồm 35 chân, ông M và bà X tham gia 02 chân, đã hốt chân hụi thứ nhất vào kì hụi đầu tiên, đóng được 03 kỳ hụi chết. Chân hụi thứ hai hốt vào kỳ thứ 07, không đóng hụi chết. Tính đến khi mãn hụi, ông M và bà X còn nợ 118.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai, loại hụi 2 triệu đồng, mở ngày 25/5/2018 (Âm lịch), mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 35 chân, ông M và bà X tham gia 02 chân, đã hốt chân hụi thứ nhất vào kỳ hụi thứ 5, đóng được 05 kỳ hụi chết. Chân hụi thứ hai hốt vào kỳ thứ 07, đóng được 03 kỳ hụi chết. Tính đến khi mãn hụi, ông M và bà X còn nợ 25 kỳ hụi chết của hai chân hụi với số tiền 100.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba, loại hụi 3 triệu đồng, mở ngày 10/6/2022 (Âm lịch), mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 37 chân, bà L với ông M, bà X tham gia 1 chân, đã hốt hụi vào kỳ thứ 02, đóng được 02 kỳ hụi chết. Tính đến khi mãn hụi, ông M và bà X còn nợ số tiền 51.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư, loại hụi 2 triệu đồng, mở ngày 10/9/2022 (Âm lịch), mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 36 chân, ông M và bà X tham gia 01 chân, đã hốt vào kỳ hụi thứ 3, đóng được 02 kỳ hụi chết. Tính đến khi mãn hụi, ông M và bà X còn nợ 31 kỳ hụi chết với số tiền 62.000.000 đồng.

Dây hụi thứ năm, loại hụi 2 triệu đồng, mở ngày 20/6/2023 (Âm lịch), mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 40 chân, ông M và bà X tham gia 01 chân, đã hốt vào kỳ hụi thứ 02, không đóng hụi chết. Tính đến khi mãn hụi, ông M và bà X còn nợ 38 kỳ hụi chết với số tiền 76.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi của 05 dây hụi ông M, bà X còn nợ bà L số tiền 407.000.000 đồng nên bà L khởi kiện yêu cầu ông M và bà X có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ. Quá trình tố tụng tại tòa án sơ thẩm, bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông M, bà X thanh toán số tiền 350.000.000 đồng.

Bị đơn, bà Dương Thị X trình bày: Bà thừa nhận có tham gia các dây hụi như bà L trình bày và thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị L 350.000.000 đồng. Bà X thừa nhận bà và ông M là vợ chồng hợp pháp nhưng nợ hụi là nợ riêng của bà X do bà tự tham gia chơi hụi, tiền hốt hụi bà sử dụng mua sắm, chi xài gia đình. Bà đồng ý tự trả nợ cho bà L số tiền 350.000.000 đồng. Không đồng ý cho ông M cùng liên đới trả nợ.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông và bà Dương Thị X là vợ chồng, quá trình chung sống bà X tự chơi hụi, tự mượn nợ ông không hay biết, đến khi bà X thiếu nợ bỏ nhà đi ông mới biết việc bà X nợ hụi. Ông M không tham gia hụi, không hốt hụi nên không đồng ý liên đới thanh toán nợ cho bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2026/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị X.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 350.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/02/2026, ông Nguyễn Văn M kháng cáo không đồng ý cùng bà X liên đới trả nợ cho bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2026/DS-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Văn M được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông M, Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền nợ hụi 350.000.000 đồng bà X thừa nhận nợ của bà L nhưng bà X cho rằng đây là riêng của bà X, không liên quan đến ông M. Tuy nhiên, trong thời gian bà X tham gia giao dịch hụi với bà L thì bà X và ông M là vợ chồng hợp pháp đang chung sống với nhau. Mặc dù, bà X là người trực tiếp giao dịch hụi nhưng bà X thừa nhận có sử dụng tiền hốt hụi để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình nhưng ông M không phản đối. Do đó, số tiền bà X thừa nhận còn nợ bà L 350.000.000 đồng, ông M phải chịu trách nhiệm liên đới về việc trả nợ cho bà L. Tại hồ sơ, ông M cho rằng việc bà X chơi hụi và hốt hụi là bà X tự chi xài cá nhân không liên quan đến việc phục vụ cho gia đình nhưng ông M không có chứng cứ chứng minh bà X đã sử dụng tiền hốt hụi vào mục đích riêng của bà X. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc ông M và bà X cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà L là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M cho rằng hiện nay do bà X thiếu nợ bỏ nhà đi nên ông M đã ly hôn với bà X nhưng ông M xác định chưa được Tòa án công nhận. Mặt khác ông M thừa nhận việc bà X chơi hụi và hốt hụi của bà L để chi xài trong gia đình trong thời kỳ hôn nhân giữa ông M và bà X đang tồn tại, vợ chồng chung sống nuôi ba con chung. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M về việc không đồng ý liên đới trả nợ cùng bà X.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2026/DS-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị X. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị X phải chịu 17.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại 10.140.000 đồng đã dự nộp ngày 05/11/2025, biên lai số 0003981 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã dự nộp 300.000 đồng vào ngày 23 tháng 02 năm 2026, biên lai số 0001857 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 08 tháng 6 năm 2026.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương L1

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh N

Bà Tăng Trần Quỳnh P

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 116/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, về việc "Tranh chấp hụi" giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; CCCD số: 096173007754 cấp ngày 25/8/2021. Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970; CCCD số 096070002307 cấp ngày 19/4/2023.

2. Bà Dương Thị X, sinh năm 1972; CCCD số 096172009694 cấp ngày 25/8/2021.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn D, bà Đặng Thị L2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 193/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cà Mau. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2026/DS-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị X. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M và bà Dương Thị X phải chịu 17.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại 10.140.000 đồng đã dự nộp ngày 05/11/2025, biên lai số 0003981 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã dự nộp 300.000 đồng vào ngày 23 tháng 02 năm 2026, biên lai số 0001857 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 08 tháng 6 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Trần Quỳnh Phương Châu Minh N Bùi Thị Phương L1